

Bản án số: 16/2024/DS-ST

Ngày: 02-5-2024.

“V/v Tranh chấp yêu cầu công nhận hợp đồng
chuyển đổi quyền sử dụng đất và công nhận
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Anh Tuấn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Hoàng Diệt.

Ông Huỳnh Văn Miên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 4 và ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất (QSĐĐ) và công nhận quyền sử dụng đất”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Phương L, sinh năm 1954;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1954. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn C (Lê Minh C1) (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

2/ Bà Lê Thị Y (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

3/ Bà Lê Thị C2 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

4/ Ông Lê Văn T1 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

5/ Bà Lê Thị N (Lê Ngọc N1) (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

6/ Ông Nguyễn Minh T2. (*Có mặt*)

7/ Bà Nguyễn Thị Cẩm T3. (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

8/ Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1954. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

9/ Ông Lê Hoàng G (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30-12-2022 của nguyên đơn bà Võ Phương L và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, ông Lê Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà V Phương Lệ trình bày:

Nguồn gốc đất: Vợ chồng bà là Võ Phương L và ông Lê Hoàng T có phần đất với diện tích 13.250m², thửa 943, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và đã được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 11-12-1992. Để thuận tiện cho việc canh tác nên đến năm 1994 vợ chồng bà có lấy 5,5 công tầm cây đất tại thửa đất 943 để đổi lấy phần đất 6,5 công tầm cây của ông Lê Văn D (ông D là cha ông Lê Văn C nhưng ông D đã mất năm 2020), tại thửa 945, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể là vợ chồng bà sẽ quản lý và sử dụng phần đất 6,5 công tầm cây của ông D tại thửa 945, còn ông D sẽ canh tác 5,5 công tầm cây của vợ chồng bà tại thửa 943, cùng tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, còn phần chênh lệch thì vợ chồng bà có bù thêm cho ông D giá trị là 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*), khi đổi đất có làm giấy thỏa thuận nhưng lâu quá bị thất lạc và việc đổi cũng có nhiều người ở địa phương biết. Vợ chồng bà đã canh tác phần đất thửa 945 ổn định từ năm 1994 cho đến nay.

Đến cuối năm 2020 do ông D chết và gia đình ông D cũng đồng ý cho ông Lê Văn C là con ông D đứng tên quyền sử dụng đất mà vợ chồng bà đã đổi cho ông D tại thửa 943, nên các bên có thỏa thuận làm thủ tục chuyển tên cho nhau và vợ chồng bà đã làm thủ tục sang tên cho ông Lê Văn C phần đất 5,5 công tầm cây, tại thửa đất 943 sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn phần đất ông D đổi cho vợ chồng bà 6,5 công tầm cây tại thửa 945, tờ bản đồ số

7 thì trước đó vợ chồng bà canh tác đến khoảng năm 2012 thì đổi lại cho ông Lê Hoàng G, địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2015 thì ông G chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh T2 (Chí H) canh tác đến nay. Vì thế vợ chồng bà cần gia đình ông C sang tên phần đất đổi để vợ chồng bà sang tên lại cho ông Nguyễn Minh T2, địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì bà Nguyễn Thị M là vợ ông D cùng các con bà M, ông D đều đồng ý nhưng chỉ có ông C không đồng ý nên các bên mới xảy ra tranh chấp. Sự việc phát sinh tranh chấp nên vợ chồng bà có làm đơn yêu cầu Ban N2 và Ủy ban nhân dân xã M hòa giải nhưng không thành.

Nay bà Võ Phương L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú giải quyết các vấn đề sau đây:

1/ Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển đổi đất giữa vợ chồng bà với ông Lê Văn D vào năm 1994, đổi với hai phần đất diện tích 5,5 công tầm cây tại thửa đất 943, tờ bản đồ số 7 của vợ chồng bà và phần đất 6,5 công tầm cây (theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 9.334,3m²), tại thửa 945, tờ bản đồ số 7 của ông D, đất cùng tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà phần đất có diện tích 9.334,3m², thuộc thửa 945, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn ông Lê Văn C:** Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn C đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tòa án cũng đã triệu tập ông C tham gia các giai đoạn tố tụng như thẩm định, định giá; hòa giải, công khai chứng cứ, tham gia xét xử nhưng ông C đều vắng mặt không lý do. Ông Lê Văn C cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:** Bà là vợ ông Lê Văn D. Việc chồng bà cùng vợ chồng ông Lê Hoàng T và bà Võ Phương L chuyển đổi đất vào năm 1994 là đúng như lời trình bày theo đơn khởi kiện của bà Võ Phương L. Phần đất ông D chuyển đổi cho vợ chồng bà L ông T tại thửa 945, diện tích khoảng 6,5 công tầm cây, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nay bà Võ Phương L khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển đổi đất giữa hai bên bà vẫn đồng ý. Hiện nay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 945 bà đã giao cho vợ chồng bà L quản lý. Còn các con bà vẫn đồng ý việc chuyển đổi đất nhưng do ông T cho rằng các con bà còn nhỏ không biết gì nên các con bà không đồng ý làm thủ tục sang tên phần đất đã đổi cho vợ chồng ông T, bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng G trình bày: Phần đất tranh chấp ông T đổi với ông D tại thửa 945 thì ông T đã đổi với ông vào năm 2012, đến năm 2015 thì ông đã sang bán lại cho ông Nguyễn Minh T2 (C). Hiện nay ông T2 đang canh tác phần đất tranh chấp nhưng ông không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp mà giữa ông với ông T, ông T2 sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T2 trình bày:
Hiện nay phần đất tranh chấp do vợ chồng ông đang canh tác, ông sang nhượng lại của ông G vào năm 2015. Tuy nhiên, ông không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp mà giữa ông với ông T, ông G sẽ tự thỏa thuận giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp cho ai thì ông sẽ trả lại cho người đó quản lý theo quy định.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Bị đơn và một số người liên quan được Tòa án triệu tập tham gia xét xử nhưng không tham gia là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì việc đổi đất giữa ông Lê Hoàng T, bà Võ Phương L với ông Lê Văn D vào năm 1994 đã xảy ra trên thực tế, phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị M là vợ ông D. Ông T, bà L đã canh tác phần đất đổi tại thửa 945 ổn định từ năm 1994 đến nay và ông T, bà L cũng đã làm thủ tục sang tên cho ông Lê Văn C phần đất thửa 943 nên cần ổn định cho các bên tiếp tục sử dụng phần đất đã chuyển đổi với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển đổi đất vào năm 1994 và công nhận phần đất chuyển đổi tại thửa 945 tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên cần bổ sung quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất (QSDĐ) và công nhận quyền sử dụng đất”.

Tại phiên tòa: Bị đơn ông Lê Văn C; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị C2, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Cẩm T3 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

Xét về nội dung vụ án:

[2]. Phần đất các bên tranh chấp là tại các thửa 943 và thửa 945 tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, thửa 943

hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C nhưng ông C không tham gia khi Tòa án tiến hành thẩm định, định giá nên Tòa án không tiến hành thẩm định, đo đạc được thửa đất 943. Đối với thửa đất 945 theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M có diện tích 9.334,3m², có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa đất của bà Phan Thị T4 có số đo 131,97m.
- + Hướng Tây giáp thửa đất ông Nguyễn Hoàng M1 có số đo 131,97 m.
- + Hướng Nam giáp thửa đất số 1069 của ông Nguyễn Văn T5 có số đo 78,34m.
- + Hướng Bắc giáp thửa đất số 1038 của ông Nguyễn Minh T2 có số đo 68,7m.

[3]. *Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Căn cứ vào biên bản hòa giải cơ sở của Tổ hòa giải ấp P, xã M, huyện M ngày 07-3-2021 và biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã M, huyện M ngày 15-4-2021 cũng như biên bản lấy khai ngày 14-3-2024 của ông Hà Văn Đ, cán bộ tư pháp xã M và bà Châu Thị Đ1, Bí thư kiêm trưởng ban N2 thể hiện: Vào năm 1994 thì vợ chồng bà Võ Phương L, ông Lê Hoàng T có lấy phần đất tại thửa 943, tờ bản đồ số 7, diện tích 5,5 công tầm cây để đổi với phần đất tại thửa 945, tờ bản đồ số 7, diện tích 6,5 công tầm cây (theo kết quả đo đạc thực tế là 9.334,3m² của ông Lê Văn D (là anh ruột ông T), các phần đất cùng tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ông D chết thì khoảng tháng 5-2020 vợ chồng ông Lê Hoàng T đã làm thủ tục sang tên phần đất đổi tại thửa 943 cho ông Lê Văn C là con ông D theo sự thỏa thuận của gia đình ông C. Việc này cũng đã được bà Nguyễn Thị M là vợ ông Lê Văn D thừa nhận tại biên bản lấy khai ngày 12-9-2023.

[4] Như vậy, có căn cứ để xác định việc chuyển đổi đất giữa vợ chồng ông Lê Hoàng T, bà Võ Phương L với ông Lê Văn D vào năm 1994 có xảy ra trên thực tế. Sau khi đổi đất thì các bên sử dụng ổn định phần đất chuyển đổi từ năm 1994 đến nay không ai tranh chấp. Việc chuyển đổi đất là hoàn toàn tự nguyện và các thành viên trong gia đình của ông D, ông T, bà L đều không phản đối, các bên đã nhận đất và sử dụng ổn định từ năm 1994 đến nay không ai tranh chấp. Hiện nay, phần đất thửa 943 thì vợ chồng bà L ông T đã làm thủ tục sang tên cho ông Lê Văn C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sự thỏa thuận của gia đình ông C sau khi ông Lê Văn D chết. Đồng thời, ông D cũng đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 945 của ông D cho vợ chồng ông T, bà L giữ. Do đó, việc bà Võ Phương L khởi kiện Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển đổi đất giữa vợ chồng bà L với ông Lê Văn D vào năm 1994 và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà L phần đất có diện tích 9.334,3m², thuộc thửa 945, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 201, Điều 459, Điều 699, Điều 703, Điều 704 Bộ luật dân sự năm 1995.

[5] Xét thấy, phần đất tranh chấp tại thửa 945 hiện nay do ông Nguyễn Minh T2 (C) đang canh tác. Nguồn gốc ông T2 canh tác đất là do chuyển nhượng lại của ông Lê Hoàng G vào năm 2015, ông G đổi đất với vợ chồng ông T, bà L vào năm 2012. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Minh T2, ông Lê Hoàng G cùng ông Lê Hoàng

T thống nhất sẽ tự thỏa thuận với nhau về việc chuyển đổi, chuyển nhượng đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn C; bà Nguyễn Thị M, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị C2, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Số tiền 6.786.258 đồng (*sáu triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng*). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn C cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị C2, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N phải chịu chi phí thẩm định, định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 201, Điều 459, Điều 699, Điều 703, Điều 704 Bộ luật dân sự năm 1995.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà Võ Phương L, ông Lê Hoàng T với ông Lê Văn D xác lập vào năm 1994 đối với phần đất tại thửa đất 943 và thửa đất 945, tờ bản đồ số 7, cùng tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Công nhận phần đất có diện tích 9.334,3m² tại thửa số 945, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Lê Hoàng T và bà Võ Phương L, đất có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa đất của bà Phan Thị T4 có số đo 131,97m.
- + Hướng Tây giáp thửa đất ông Nguyễn Hoàng M1 có số đo 131,97 m.
- + Hướng Nam giáp thửa đất 1069 của ông Nguyễn Văn T5 có số đo 78,34m.
- + Hướng Bắc giáp thửa đất 1038 của ông Nguyễn Minh T2 có số đo 68,7m.

*(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất của Chi nhánh văn phòng
đăng ký đất đai huyện Mỹ Tú ngày 26-6-2023)*

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị M, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị C2, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N cùng chịu số tiền án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị M, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị C2, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N cùng chịu số tiền 6.786.258 đồng (sáu triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng). Do bà Võ Phương L đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nên ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị M, bà Lê Thị Y, bà Lê Thị C2, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà V Phương Lệ số tiền 6.786.258 đồng (sáu triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng).

4/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Anh Tuấn

